

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 72/2020/DS-ST

Ngày: 04/5/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dũng

2. Ông Tạ Công Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-DS ngày 24/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Thế L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp VT, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh L có anh Lê Văn L1, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp BHA, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2019).

2. Bị đơn: Trần Thị T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp MH, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt anh L1; vắng mặt chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/12/2019 và trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Lê Văn L1 trình bày:*

Ngày 28/6/2017, chị T vay anh L số tiền 10.000.000đồng, lãi suất là 3%/tháng. Việc vay tiền có làm biên nhận mượn tiền, các bên đều có ký nhận vào biên nhận. Tuy biên nhận thể hiện thời hạn vay là 03 ngày nhưng thực chất đôi bên thống nhất thời hạn là 01 tháng tính từ ngày 28/6/2017 đến ngày 28/7/2017.

Ngày 02/8/2017, chị T vay anh L số tiền 10.000.000đồng, lãi suất là 3%/tháng. Việc vay tiền có làm biên nhận mượn tiền, các bên đều có ký nhận vào biên nhận. Thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 02/8/2017 đến ngày 02/9/2017.

Ngày 16/8/2017, chị T vay anh L số tiền 10.000.000đồng, lãi suất là 3%/tháng. Việc vay tiền có làm biên nhận mượn tiền, các bên đều có ký nhận vào biên nhận. Thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 16/8/2017 đến ngày 16/9/2017.

Ngày 09/9/2017, chị T vay anh L số tiền 10.000.000đồng, lãi suất là 3%/tháng. Việc vay tiền có làm biên nhận mượn tiền, các bên đều có ký nhận vào biên nhận. Thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 09/9/2017 đến ngày 09/10/2017.

Ngày 03/10/2017, chị T vay anh L số tiền 10.000.000đồng, lãi suất là 3%/tháng. Việc vay tiền có làm biên nhận mượn tiền, các bên đều có ký nhận vào biên nhận. Thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 03/10/2017 đến ngày 03/11/2017.

Tuy nhiên từ lúc vay cho đến nay, chị T không trả nợ gốc, tiền lãi cho anh L như đã thỏa thuận, mặc dù đã được anh L nhắc nhở nhiều lần. Hiện tại chị T nợ anh L 50.000.000đồng tiền vay và 20.665.000đồng tiền lãi. Cụ thể các khoản lãi được tính từ thời điểm vay đến thời điểm khởi kiện như sau:

- Đối với khoản vay 10.000.000đồng ngày 28/6/2017: $10.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 27 \text{ tháng} = 4.500.000\text{đồng}$.

- Đối với khoản vay 10.000.000đồng ngày 02/8/2017: $10.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 25 \text{ tháng} = 4.166.000\text{đồng}$.

- Đối với khoản vay 10.000.000đồng ngày 16/8/2017: $10.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 25 \text{ tháng} = 4.166.000\text{đồng}$.

- Đối với khoản vay 10.000.000đồng ngày 09/9/2017: $10.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 24 \text{ tháng} = 4.000.000\text{đồng}$.

- Đối với khoản vay 10.000.000đồng ngày 03/10/2017: 10.000.000đồng x 20%/năm x 23 tháng = 3.833.000đồng.

Nay anh L yêu cầu chị T trả cho anh tổng cộng nợ gốc và lãi là 70.665.000đồng.

** Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng chị vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh L1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh L1 chỉ yêu cầu chị T trả cho anh L số nợ gốc là 50.000.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi như trong đơn khởi kiện đã trình bày.

Bị đơn T vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần ở mỗi giai đoạn tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với nội dung văn bản ủy quyền ngày 13/9/2019 giữa anh L, anh L1 và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[2] - *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[3] - *Về nội dung yêu cầu*:

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh L và lời trình bày của anh L1 tại phiên tòa hôm nay, xét thấy phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn. Bởi lẽ,

khi nguyên đơn cho bị đơn vay tiền vào các ngày 28/6/2017, ngày 02/8/2017, ngày 16/8/2017, ngày 09/9/2017, ngày 03/10/2017, mỗi lần cho vay 10.000.000đồng thì đôi bên đều có làm biên nhận, anh L có ký tên, còn chị T vừa ký tên vừa điểm chỉ vào các biên nhận này.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T từ giai đoạn thụ lý vụ án, đến giai đoạn hòa giải – công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự nhưng chị vẫn vắng mặt không lý do, chị T cũng không gửi bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của chị đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhất là đối với 05 biên nhận nợ mà anh L cung cấp cho Tòa án khi khởi kiện chị. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận định việc chị T 05 lần vay tiền anh L, tổng cộng 50.000.000đồng là có thật. Từ ngày vay tiền đến nay, chị T không trả được bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào cho nguyên đơn là đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó nay anh L yêu cầu chị T trả cho anh 50.000.000đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] - Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Trần Thị T trả cho anh Trương Thế L 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Chị T phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh L số tiền tạm ứng án phí 1.767.000 đồng mà anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01742 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Anh L, anh L1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS.HCT.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI